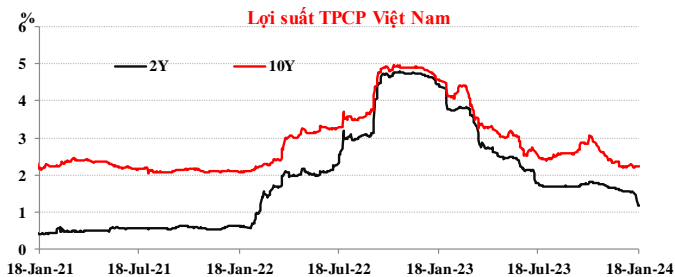

Lãi suất LNH
Trái phiếu

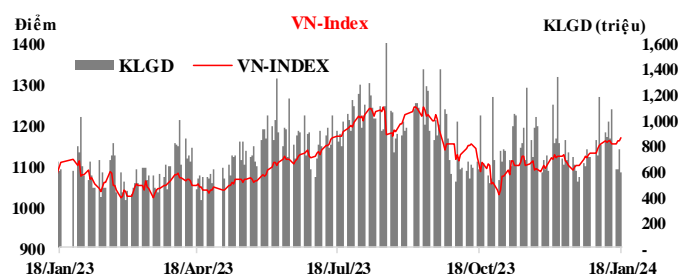
Kỳ hạn	VND	D/D	USD	D/D	Kỳ hạn	Lợi suất	D/D
ON	0.19	-0.01	5.09	-0.02	3Y	1.20	0.004
1W	0.31	0.01	5.21	-0.02	5Y	1.41	-0.004
2W	0.57	-0.01	5.30	-0.01	7Y	1.80	-0.005
1M	1.27	-0.01	5.39	0.00	10Y	2.23	0.011
2M	2.77	0.00	5.49	0.00	15Y	2.43	0.005
3M	2.97	0.00	5.59	0.00			
6M	4.54	0.02	5.64	0.00			
9M	5.00	0.00	5.72	-0.02			
1Y	5.38	0.03	5.78	-0.03			


Tổng hợp GD cầm cố và mua bán TPNHNN 18/01/2024

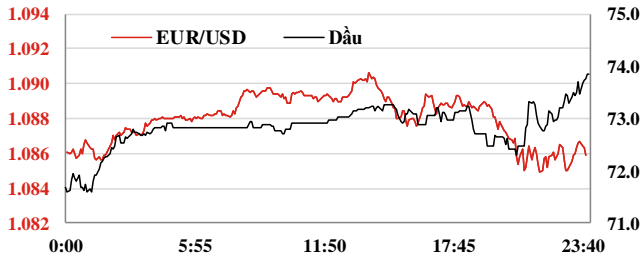
Đơn vị: Tỷ đ.	Tổng KL chào thầu	Tổng KL trúng thầu	Tổng KL đảo hạn	Ròng	KL lưu hành
Reverse Repo	1,000.00	-	-	-	0.00
Sell Outright	-	-	-	-	0.00
Tổng					

Chứng khoán ngày 18/01/2024

	VN-Index	HNX-Index	Upcom
Điểm	1169.06	229.93	87.16
%/ngày	0.56%	0.19%	0.23%
%/30/12/2022	16.08%	12.0%	21.6%
KLGD (tr.d.vj)	596.22	47.73	27.4
GTGD (tỷ đ)	13198.21	863.21	419.50
NDINN mua (tỷ đ)	997.81	22.01	22.83
NDINN bán (tỷ đ)	961.10	46.54	13.93


Tin trong nước ngày 18/01

- Thị trường ngoại tệ:** Phiên 18/01, NHNN niêm yết tỷ giá trung tâm ở mức 24.041 VND/USD, tăng tiếp 24 đồng so với phiên trước đó. Tỷ giá mua giao ngay được giữ nguyên niêm yết ở mức 23.400 VND/USD; tỷ giá bán giao ngay được niêm yết ở mức 25.193 VND/USD, thấp hơn 50 đồng so với trần tỷ giá. Trên thị trường LNH, tỷ giá chốt phiên với mức 24.540 VND/USD, không thay đổi so với phiên 17/01. Tỷ giá trên thị trường tự do giảm mạnh 80 đồng ở chiều mua vào và 100 đồng ở chiều bán ra, giao dịch tại 24.800 VND/USD và 24.880 VND/USD.
- Thị trường tiền tệ LNH:** Ngày 18/01, lãi suất chào bình quân LNH VND giảm 0,01 đpt ở hầu hết các kỳ hạn từ 1M trở xuống ngoại trừ tăng 0,01 đpt ở kỳ hạn 1W so với phiên trước đó, cụ thể: ON 0,19%; 1W 0,31%; 2W 0,57% và 1M 1,27%. Lãi suất chào bình quân LNH USD giảm 0,01 – 0,02 đpt ở các kỳ hạn ngắn trong khi đi ngang ở kỳ hạn 1M; giao dịch tại: ON 5,09%; 1W 5,21%; 2W 5,30%, 1M 5,39%. Lợi suất TPCP trên thị trường thứ cấp giảm ở các kỳ hạn 5Y và 7Y trong khi tăng ở các kỳ hạn còn lại; chốt phiên ở mức: 3Y 1,20%; 5Y 1,41%; 7Y 1,80%; 10Y 2,23%; 15Y 2,43%.
- Nghiệp vụ thị trường mở:** Hôm qua, trên kênh cầm cố, NHNN chào thầu 1.000 tỷ đồng với kỳ hạn 07 ngày, lãi suất vẫn giữ ở mức 4,0%. Không có khối lượng trúng thầu, không có khối lượng lưu hành trên kênh này. NHNN không chào thầu tín phiếu NHNN và cũng không có khối lượng tín phiếu lưu hành trên thị trường.
- Thị trường chứng khoán:** Thị trường chứng khoán tăng điểm trong phiên đảo hạn hôm qua, mặc dù thanh khoản sụt giảm. Kết thúc phiên giao dịch, VN-Index tăng 6,53 điểm (+0,56%) lên mức 1.169,06 điểm; HNX-Index nhích 0,42 điểm (+0,19%) lên 229,93 điểm; UPCoM-Index tăng 0,20 điểm (+0,23%) đạt 87,16 điểm. Thanh khoản thị trường ở mức thấp với giá trị giao dịch gần 14.500 tỷ đồng. Khối ngoại tiếp tục mua ròng hơn 21 tỷ đồng trên cả 3 sàn.
- Liên Bộ Công thương - Tài chính quyết định điều chỉnh tăng giá hầu hết các mặt hàng xăng dầu phổ biến trên thị trường từ ngày 18/01.** Cụ thể: Xăng E5 RON 92 tăng 377 đồng/lít; xăng RON 95 tăng 547 đồng/lít; dầu diesel tăng 487 đồng/lít; dầu hỏa tăng 205 đồng/lít; dầu mazut giảm 307 đồng/kg. Theo đó, sau điều chỉnh, giá xăng dầu trên thị trường như sau: xăng E5RON92: không cao hơn 21.418 đồng/lít; xăng RON95-III: 22.482 đồng/lít; dầu diesel 0.05S: 20.194 đồng/lít; dầu hỏa: 20.536 đồng/lít; Dầu mazut 180CST 3.5S: 15.508 đồng/kg.

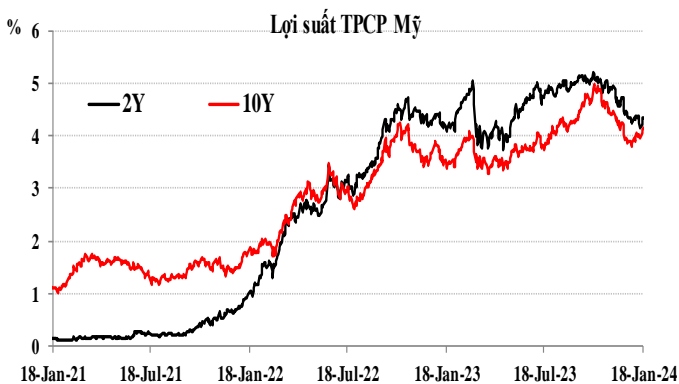
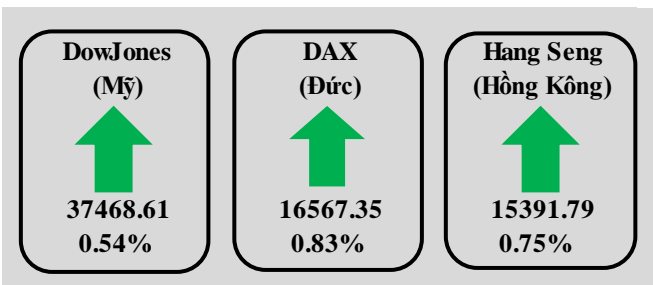


	18 Jan 24	Ngày (%)	Tuần (%)	Đầu năm (%)
USD index	103.54	0.08%	1.22%	2.17%
USD/CNY	7.20	0.00%	0.41%	1.38%
USD/EUR	0.92	0.06%	0.88%	1.49%
USD/JPY	148.15	0.00%	1.98%	5.03%
USD/KRW	1338.43	-0.41%	1.87%	3.40%
USD/SGD	1.34	-0.05%	0.98%	1.87%
USD/TWD	31.52	-0.17%	1.54%	2.74%
USD/THB	35.56	-0.14%	1.43%	3.52%
USD/VND Trung tâm	24041	0.10%	0.39%	0.73%
USD/VND LNH	24540	0.00%	0.22%	1.20%
USD/VND tự do	24870	-0.32%	0.44%	0.52%
Vàng	2022.67	0.85%	-0.27%	-1.94%
Dầu WTI	74.08	2.09%	2.86%	3.39%

Tin quốc tế

- Nước Mỹ đón một số chỉ báo kinh tế tích cực.** Đầu tiên, số đơn xin trợ cấp thất nghiệp lần đầu tại Mỹ tuần kết thúc ngày 13/01 ở mức 187 nghìn đơn, giảm khá mạnh từ mức 203 nghìn đơn của tuần trước đó, trái với dự báo tăng nhẹ lên 206 nghìn đơn. Số đơn trung bình 4 tuần gần nhất ở mức 203,25 nghìn đơn, giảm 4,75 nghìn so với 4 tuần liền trước. Tiếp theo, số cấp phép xây dựng nhà tại Mỹ ở mức 1,50 triệu đơn trong tháng 12, tăng so với kết quả của tháng 11 và đồng thời cũng là dự báo của các chuyên gia ở mức 1,47 triệu đơn. Số nhà khởi công tại Mỹ trong tháng vừa qua đạt 1,46 triệu căn, thấp hơn mức 1,53 triệu căn của tháng 11 song vẫn cao hơn so với mức 1,43 triệu căn theo dự báo.
- Thị trường lao động Úc ghi nhận một số chỉ báo quan trọng.** Văn phòng Thống kê Úc ABS cho biết nước này giảm 65,1 nghìn việc làm trong tháng 12 sau khi tạo ra 72,6 nghìn việc làm ở tháng trước đó, trái với kỳ vọng tiếp tục tạo ra 15,4 nghìn việc làm mới. Tuy nhiên, tỷ lệ thất nghiệp tại Úc trong tháng 12 vẫn đi ngang ở mức 3,9%, không thay đổi so với tháng trước đó và đồng thời khớp với dự báo. Đây vẫn là tỷ lệ thất nghiệp cao nhất tại Úc kể từ sau tháng 05/2022. Một số ý kiến cho rằng thị trường lao động Úc đang phát đi các tín hiệu nói lòng, và tỷ lệ thất nghiệp có thể tiếp tục vượt mức 4% trong quý I/2024.
- Nước Đức có thể duy trì giới hạn nợ công trong năm 2024.** Sau nhiều tháng đàm phán của giới chức Đức, nước này có thể phát hành khoản nợ mới trị giá 39 tỷ EUR trong năm 2024 để phục vụ cho công việc chi tiêu của Chính phủ. Quốc hội nước này hiện tại thiên về xu hướng kìm hãm nợ công, tuy nhiên vẫn để ngỏ các quyết định hỗ trợ cho Ukraine trong năm nay. Văn phòng Thống kê liên bang Đức vừa công bố báo cáo cho biết, nợ công của đầu tàu kinh tế Châu Âu tiếp tục tăng lên mức kỷ lục 2.454 tỷ EUR trong quý III/2023.
- Lịch công bố các chỉ số kinh tế:**

Ngày	Giờ VN	Mức độ ảnh hưởng	Chỉ số kinh tế	Kỳ này	Dự báo	Kỳ trước
18-01	7:30	***	Số thay đổi việc làm tại Úc T12	-65.1K	15.4K	61.5K
18-01	7:30	***	Tỷ lệ thất nghiệp Úc T12	3.9	3.9	3.9
18-01	20:30	***	Số đơn xin trợ cấp thất nghiệp lần đầu Mỹ we	187K	206K	203K
18-01	20:30	**	Số cấp phép xây dựng tại Mỹ T12	1.50M	1.47M	1.47M
19-01	14:00	***	Doanh số bán lẻ tại Anh mm T12		-0.5	1.3
19-01	22:00	***	Chỉ số niềm tin tiêu dùng UoM Mỹ T1		69.8	69.7
19-01	22:00	**	Doanh số bán nhà cũ tại Mỹ T12		3.83M	3.82M



Lãi suất cơ bản các Ngân hàng Trung Ương

NHTW	Đồng tiền	Kỳ trước	Kỳ này	Ngày thay đổi	Cuộc họp tới
Mỹ	USD	5,25%	5,50%	26/7/2023	31/1/2024
Châu Âu	EUR	4,50%	4,75%	14/9/2023	25/1/2024
Anh	GBP	5,25%	5,25%	3/8/2023	1/2/2024
Nhật	JPY	0,10%	-0,10%	28/1/2016	23/1/2024
Australia	AUD	4,10%	4,35%	8/11/2023	6/2/2024

Thị trường chứng khoán

VN-INDEX



VN-Index tăng, đóng cửa tại 1.169,06 điểm. Thị trường đi lên thử thách ngưỡng kháng cự 1170 điểm. Tuy nhiên, thanh khoản trong những phiên gần đây tương đối yếu, không cho thấy sự thuyết phục trong đà tăng này. VN-Index có thể xảy ra rung lắc trong vùng 1160 – 1170 điểm trong những phiên sắp tới.

NGÂN HÀNG TMCP HÀNG HẢI VIỆT NAM

TNR Tower, 54A Nguyễn Chí Thanh - Đống Đa - Hà Nội
ĐT: 04.3771 8989 - Ext: 6867

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU KINH TẾ

Những người thực hiện:

Nguyễn Nữ Hoài Ninh - Trưởng nhóm
Email: ninhnh1@msb.com.vn

Nguyễn Trường Giang - CVC Phân tích
Email: giangnt12@msb.com.vn

Những thông tin trên đây được Trung tâm Nghiên cứu kinh tế, MSB thu thập từ những nguồn được coi là đáng tin cậy. Những thông tin này chỉ mang tính tham khảo và Trung tâm Nghiên cứu kinh tế không chịu trách nhiệm về bất cứ tổn thất nào gây ra do việc sử dụng những thông tin trên vào mục đích kinh doanh. Những thông tin trên có thể thay đổi do diễn biến của thị trường và Trung tâm Nghiên cứu kinh tế không có trách nhiệm phải thông báo về những sự thay đổi này.

Mọi ý kiến đóng góp, đăng ký hoặc rút tên khỏi danh sách nhận bản tin, xin Quý khách vui lòng liên hệ qua địa chỉ: Research@msb.com.vn